Chi tiết mã HS 9008.90.20

Mã HS	9008.90.20
Mô tả hàng hóa	Máy chiếu hình ảnh, trừ máy chiếu phim; máy phóng và máy thu nhỏ ảnh (trừ máy chiếu phim) / - Bộ phận và phụ kiện: / - - Của máy phóng và máy thu nhỏ ảnh (trừ máy chiếu phim)
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	08/11/2026 14:06:48
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90089020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17997
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17997
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17997
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17302
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17231
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17231
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17231
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17231
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17231
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17231
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17287
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17287
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17287

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17287
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17287
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17287
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17288
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17288
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17288
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17288
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17288
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17288
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17293
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17249
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17245
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17245
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17245
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17245
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17245
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17245
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17291
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17291
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17291
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17291
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17291
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17291
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17353
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17353
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17353

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17353
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17353
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17353
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D17329
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E17329
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F17329
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G17329
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H17329
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I17329
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17324
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17324
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17324
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17324
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17324
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17324
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17354
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17354
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17354
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17354
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17354
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17354
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17353
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17353
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17353
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17353
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17353

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17353
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17447
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17447
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17447
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17447
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17447
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17447
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17447
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17316
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17316
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17316
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17316
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17316
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17316
RCEP B	2022	2022	0	B!D17316
RCEP B	2023	2023	0	B!E17316
RCEP B	2024	2024	0	B!F17316
RCEP B	2025	2025	0	B!G17316
RCEP B	2026	2026	0	B!H17316
RCEP B	2027	2027	0	B!I17316
RCEP C	2022	2022	0	C!D17314
RCEP C	2023	2023	0	C!E17314
RCEP C	2024	2024	0	C!F17314
RCEP C	2025	2025	0	C!G17314
RCEP C	2026	2026	0	C!H17314
RCEP C	2027	2027	0	C!I17314

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D17313
RCEP D	2023	2023	0	D!E17313
RCEP D	2024	2024	0	D!F17313
RCEP D	2025	2025	0	D!G17313
RCEP D	2026	2026	0	D!H17313
RCEP D	2027	2027	0	D!I17313
RCEP E	2022	2022	0	E!D17317
RCEP E	2023	2023	0	E!E17317
RCEP E	2024	2024	0	E!F17317
RCEP E	2025	2025	0	E!G17317
RCEP E	2026	2026	0	E!H17317
RCEP E	2027	2027	0	E!I17317
RCEP F	2022	2022	0	F!D17316
RCEP F	2023	2023	0	F!E17316
RCEP F	2024	2024	0	F!F17316
RCEP F	2025	2025	0	F!G17316
RCEP F	2026	2026	0	F!H17316
RCEP F	2027	2027	0	F!I17316
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16239
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16239
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16239
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16239

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9008.90 có 2 dòng thuế; dòng 9008.90.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Của máy phóng và máy thu nhỏ ảnh (trừ máy chiếu phim).	9008.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9008.90.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9008.90.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17997), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.